

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN
ÁP DỤNG KỸ THUẬT TIẾN BỘ XÂY DỰNG MÔ HÌNH
SẢN XUẤT THUỐC LÁ NGUYÊN LIỆU CÓ NĂNG SUẤT CAO,
CHẤT LƯỢNG TỐT TẠI TỈNH TUYỀN QUANG

*(Thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học,
công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội nông thôn và miền núi
giai đoạn 1998-2002)*

Tuyên Quang, tháng 01 năm 2003

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN
thuộc chương trình xây dựng mô hình phát triển nông thôn và miền núi
giai đoạn 1998 - 2002

1) Tên dự án :

Áp dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng thuốc lá nguyên liệu có năng suất cao, chất lượng tốt tại tỉnh Tuyên Quang.

2) Thời gian thực hiện: Tháng 8/2000 đến tháng 8/2002.

3) Cơ quan chủ trì:

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Tuyên Quang.

4) Cơ quan, đơn vị thực hiện, phối hợp:

- Ủy ban nhân dân huyện Nà Hang.
- Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương
- Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn.
- Ủy ban nhân dân Thị xã Tuyên Quang.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5) Cơ quan chuyển giao công nghệ:

Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Mở đầu	2
Phần I. Mục tiêu, nội dung và phương pháp xây dựng mô hình của dự án	3
I/ Mục tiêu của dự án	3
II/ Nội dung, quy mô của dự án	3
III/ Phương pháp thực hiện xây dựng mô hình	5
Phần II. Kết quả thực hiện nội dung và kinh phí của dự án	5
I/ Kết quả nghiên cứu, điều tra, khảo sát	5
II/ Quá trình và kết quả về công tác tổ chức thực hiện dự án	6
III/ Kết quả xây dựng mô hình trồng thuốc lá nguyên liệu	8
IV/ Kết quả đào tạo, tập huấn, tham quan kỹ thuật trồng trọt và hái sấy thuốc lá nguyên liệu	12
V/ Kết quả về thực hiện xây dựng cụm lò sấy	16
VI/ Tình hình thực hiện kinh phí	17
VII/ Hiệu quả về kinh tế – xã hội của dự án	18
VIII/ Đánh giá chung về kết quả thực hiện dự án	19
Phần III. Những bài học kinh nghiệm qua quá trình thực hiện dự án	20
Kết luận và kiến nghị	22
Danh mục tài liệu tham khảo	25

MỞ ĐẦU

Tuyên Quang có diện tích đất tự nhiên là 5.820 km², trong đó đất nông nghiệp đang sử dụng chiếm 12,3%; là một tỉnh miền núi phía Bắc còn nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, lưu thông hàng hoá còn hạn chế, nền kinh tế của tỉnh chưa phát triển mạnh :

Trong những năm gần đây thực hiện chủ trương phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rất quan tâm và có nhiều giải pháp, cơ chế chính sách hỗ trợ kịp thời để đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp, tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, trong đó chú trọng là cây lương thực, cây công nghiệp, nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao, góp phần xoá đói giảm nghèo và tăng thu nhập cho nhân dân.

Cây thuốc lá là một trong những cây công nghiệp ngắn ngày được trồng ở Tuyên Quang trong một số năm gần đây. Bước đầu qua nghiên cứu đã cho thấy điều kiện đất đai, khí hậu rất thuận lợi cho cây sinh trưởng và phát triển, chất lượng thuốc lá thuộc loại tốt của các tỉnh phía Bắc Việt Nam. Từ thời Pháp thuộc, cây thuốc lá đã được trồng tại tỉnh Tuyên Quang, sau ngày hoà bình lập lại một số nông trường đã trồng thuốc lá, sản lượng có năm đạt được trên 400 tấn; Do sử dụng các giống cũ đã bị lẫn tạp, thoái hoá, mặt khác quy trình trồng trọt, thu hái và sấy thuốc lá đã lạc hậu, dẫn đến năng suất, phẩm cấp và chất lượng thuốc lá nguyên liệu không cao.

Được sự hỗ trợ của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, từ tháng 8/2000 đến tháng 8/2002, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Tuyên Quang đã triển khai thực hiện dự án "*Áp dụng kỹ thuật tiến bộ xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu có năng suất cao, chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*" thuộc Chương trình phát triển nông thôn và miền núi; Dự án được thực hiện nhằm áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất thuốc lá nguyên liệu, tạo mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu có năng suất, chất lượng cao, sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu ra nước ngoài.

Với sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện của Bộ Khoa học, Công nghệ & Môi trường, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, sự cố gắng của các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện và cơ quan chuyển giao công nghệ, sau 2 năm triển khai thực hiện, dự án đã thu được kết quả.

PHẦN I

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG MÔ HÌNH CỦA DỰ ÁN

I/ MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN:

Dự án được thực hiện với các mục tiêu tổng quát sau:

- Góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
- Khai thác tốt tài nguyên đất.
- Tạo công ăn việc làm góp phần tăng thu nhập cho người nông dân.
- Đào tạo nâng cao trình độ ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp cho cán bộ địa phương nhằm tiếp cận và thực hiện tốt những công nghệ được chuyển giao.
- Trên cơ sở 4 điểm tại 4 huyện, thị sẽ nhân rộng mô hình trong toàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể là:

- Xây dựng mô hình trình diễn về ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất thuốc lá nguyên liệu, trên cơ sở sử dụng giống mới và quy trình kỹ thuật trồng trọt, hái sấy thuốc lá tiên tiến, để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất thuốc lá nguyên liệu, đồng thời từ đó nhân rộng tạo vùng sản xuất hàng hoá có sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Một số chỉ tiêu cụ thể: Năng suất thuốc lá nguyên liệu đạt từ 1,5 - 2,0 tấn thuốc lá khô/ha, tỷ lệ cấp 1+2 đạt 50%, thành phần hoá học thuốc lá nguyên liệu: Nicotin từ 1,8 - 2,0%, hàm lượng đường Gluxit hoà tan từ 14 - 20%, Clo < 1%, tính chất hút tốt đạt > 37 điểm.

II/ NỘI DUNG, QUY MÔ CỦA DỰ ÁN.

1) Tiến hành điều tra, khảo sát để lựa chọn địa điểm thực hiện.

Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát về điều kiện đất đai, khí hậu thủy văn, điều kiện kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án để lựa chọn địa bàn có điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, thủy lợi, các cơ sở hạ tầng khác và tình hình kinh tế - xã hội đảm bảo các yêu cầu của dự án phục vụ sản xuất, gieo trồng thuốc lá và xây dựng mô hình để triển khai dự án.

2) Xây dựng mô hình trồng thuốc lá nguyên liệu có năng suất cao, chất lượng tốt đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Thực hiện xây dựng mô hình trồng thuốc lá nguyên liệu bao gồm các nội dung chính sau:

- Tổ chức chọn hộ gia đình tham gia dự án, ký hợp đồng thực hiện dự án với từng hộ, trong đó hộ gia đình cam kết thực hiện đúng những hướng dẫn ứng dụng quy trình kỹ thuật khoa học, công nghệ mới theo yêu cầu của dự án.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho kỹ thuật viên, cán bộ chủ chốt của xã, thôn, xóm, cán bộ phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện và các hộ nông dân tham gia thực hiện dự án, tổng số đào tạo cho 1.700 lượt người. Nội dung đào tạo, tập huấn về quy trình kỹ thuật gieo ươm, trồng, chăm sóc, ngắt ngọn, đánh nhánh, kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, kỹ thuật hái - sấy, kỹ thuật bảo quản, phân cấp sản phẩm thuốc lá nguyên liệu theo tiêu chuẩn xuất khẩu...

- Hướng dẫn thực hành thao tác kỹ thuật trên đồng ruộng, lò sấy thuốc với những thao tác kỹ thuật cụ thể để người nông dân có thể dễ dàng tiếp thu và áp dụng. Tổ chức kiểm tra lý luận cũng như tay nghề thực hành của học viên, từ đó chọn lọc một số hộ gia đình có điều kiện đất đai, lao động, biết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật và làm tốt mô hình để tổ chức cho các hộ khác đến tham quan, học tập rút kinh nghiệm.

- Tổ chức các hội nghị, tham quan học tập.

- Tổ chức gieo ươm, trồng các giống thuốc lá mới có năng suất, chất lượng tốt như C.176, K.326 ở vùng dự án.

Quy mô gieo trồng: Thực hiện xây dựng mô hình trồng thuốc lá trên diện tích là 32 ha tại các huyện: Sơn Dương, Nà Hang, Yên Sơn và thị xã Tuyên Quang.

3) Xây dựng mô hình cụm lò sấy thuốc lá tập trung, lò sấy quy mô hộ gia đình dùng than thay củi.

- Cùng với việc thực hiện mô hình trồng trọt, tiến hành xây dựng các lò sấy thuốc lá tập trung có kích thước (3 x 7,5 x 5,7)m và các lò sấy quy mô hộ gia đình có kích thước (2x3x3.6)m phù hợp với quy mô sản xuất của từng cụm hộ gia đình. Các lò sấy được xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, tiên tiến và có sử dụng vật liệu sẵn có tại địa phương.

- Áp dụng công nghệ sơ chế tiên tiến, thực hiện nghiêm ngặt quy trình sấy thuốc lá với thời gian sấy, chế độ nhiệt, ẩm độ thích hợp cho từng giai đoạn sấy thuốc (ủ vàng, cố định màu sắc, sấy khô, hồi ẩm và ra lò)... sau khi sấy xong tiến hành phân cấp ngay theo tiêu chuẩn xuất khẩu của Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam ban hành.

III/ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN XÂY DỰNG MÔ HÌNH.

1) Phương pháp khoa học-công nghệ.

- Biên soạn, hiệu chỉnh các quy trình kỹ thuật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, hái, sấy đối với cây thuốc lá giống mới năng suất cao để áp dụng tại địa bàn thực hiện dự án và nhân rộng địa bàn sau mô hình.

- Tổ chức tập huấn, tham quan, giới thiệu, hướng dẫn cụ thể, trực tiếp làm các mô hình mẫu về các vấn đề kỹ thuật công nghệ mới như: Trồng trọt, bảo vệ thực vật, hái sấy đối với cây thuốc lá...

- Thiết kế lò sấy cải tiến dùng than thay củi loại quy mô tập trung (3x7,5x5,7)m và loại quy mô hộ gia đình (2x3x3,6)m, theo phương pháp sấy hồi lưu tự nhiên, dùng ống dẫn nhiệt bằng bê tông đúc sẵn để tiết kiệm nhiệt lượng.

2) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo tuyên truyền hướng dẫn.

- Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Tuyên Quang - Cơ quan chủ trì dự án, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá (cơ quan chuyển giao công nghệ) tiến hành tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo, tham quan, chỉ đạo nông dân tại các xã địa bàn triển khai dự án thực hiện các nội dung dự án.

- Cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao của Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật tại các địa bàn dự án, thường xuyên kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án để xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu đạt mục tiêu dự án đã đề ra.

- Thành lập Ban quản lý dự án từ tỉnh đến huyện, thị xã và tổ chuyên viên giúp việc để chỉ đạo việc thực hiện dự án.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ CỦA DỰ ÁN

I/ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT.

Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá đã phối hợp Sở Khoa học, Công nghệ & Môi trường, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tiến hành điều tra, khảo sát kỹ về điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu), điều kiện kinh tế - xã hội (dân cư, dân trí, thu nhập bình quân/khẩu, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục...) tại các huyện: Sơn Dương, Nà Hang, Yên Sơn và thị xã Tuyên Quang.

Qua nghiên cứu, điều tra, khảo sát tại 4 huyện, thị cho thấy việc thực hiện dự án hoàn toàn có cơ sở khoa học và tính khả thi cao. Dự án thực hiện tại đây sẽ là mô hình để nhân rộng ra các vùng khác trong và ngoài tỉnh. Kết quả đã lựa chọn được các điểm thực hiện dự án như sau:

- Tại huyện Sơn Dương gồm các điểm: Thị trấn Sơn Dương, xã Tú Thịnh, xã Phúc Ứng.
- Tại huyện Nà Hang gồm các điểm: xã Thượng Lâm, xã Năng Khả, xã Khuôn Hà.
- Tại huyện Yên Sơn thực hiện tại xã Hoàng Khai.
- Tại Thị xã Tuyên Quang thực hiện tại xã Nông Tiến.

II- QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Ngày 11/8/2000 Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có Quyết định số 1429/QĐ-BKHCNMT phê duyệt cho Sở KHCN&MT Tuyên Quang thực hiện dự án thuộc chương trình phát triển nông thôn và miền núi.

- Ngày 15/8/2000 Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã ký Hợp đồng số 13/2000/HĐ-DAMN với Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường về thực hiện dự án.

- Ngày 04/12/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ra Công văn số 2881/CV-UB V/v thực hiện dự án " áp dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu có năng suất cao, chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"; Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì thực hiện dự án, ký hợp đồng với Viện KT-KT thuốc lá để chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc lá và phối hợp cùng các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công nghiệp-Thủ công nghiệp, Tài chính-Vật giá, Kế hoạch-Đầu tư và UBND các huyện, thị xã có trồng thuốc lá khảo nghiệm thực hiện quản lý, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc thực hiện dự án.

- Ngày 28/12/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 1968/QĐ-UB về phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện dự án.

- Ngày 27/3/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 496/CV-UB về cho vay, thu hồi vốn dự án.

• Căn cứ sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và những qui định đối với các dự án thuộc Chương trình phát triển nông thôn và miền núi; Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã ký Hợp đồng với Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá để thực hiện chuyển giao

công nghệ; Ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân huyện Nà Hang, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn 2 huyện.

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Tuyên Quang đã trao đổi, thống nhất với các Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân 4 huyện, thị xã và xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo dự án gồm 12 người để chỉ đạo thực hiện dự án. Ngoài Ban quản lý dự án, tại các điểm triển khai dự án còn có các tổ công tác giúp việc Ban quản lý dự án, tổ này bao gồm các chuyên gia kỹ thuật của Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá, cán bộ phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện, thị, cán bộ các xã triển khai dự án.

- Ban quản lý dự án đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị tổ chức họp với địa phương gồm: Đại diện Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, trưởng thôn, xóm và bà con nông dân trong xã để cùng bàn bạc các giải pháp tổ chức thực hiện dự án. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã phổ biến cho các hộ nông dân nắm được mục đích, ý nghĩa của dự án, nghĩa vụ và quyền lợi của các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án, từ đó tạo niềm tin và sự nhiệt tình hưởng ứng tham gia của nhân dân địa phương trong vùng dự án cũng như ngoài dự án.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân các huyện, xã đã tổ chức bộ phận tiếp nhận vật tư, theo dõi mô hình, mở sổ sách theo dõi tiếp nhận và phân phối vật tư... đồng thời cùng phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý thực hiện tốt nội dung dự án.

- Kết quả xây dựng mô hình qua 2 vụ sản xuất thuốc lá - vụ xuân 2001 và vụ xuân 2002: Ban quản lý dự án đã vận động và lựa chọn được 500 lượt hộ gia đình trong vùng dự án tham gia thực hiện mô hình, trong đó tại huyện Sơn Dương có 225 hộ, huyện Nà Hang có 222 hộ, huyện Yên Sơn có 33 hộ, Thị xã Tuyên Quang có 20 hộ.

- Tổng diện tích mô hình trồng thuốc lá trong 2 vụ thuộc dự án là 36 ha. Ngay sau khi lựa chọn được số hộ tham gia thực hiện dự án, Ban quản lý dự án đã trực tiếp ký hợp đồng thực hiện cụ thể với từng hộ gia đình để tiến hành tập huấn và hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng thuốc lá giống mới do Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá nghiên cứu đưa vào thực hiện.

III- KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRỒNG THUỐC LÁ NGUYÊN LIỆU

Đây là nội dung quan trọng của dự án, nhận thức được điều đó nên ngay sau khi Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có quyết định phê duyệt dự án, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện dự án và khuôn trương ký kết hợp đồng, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị: Nà Hang, Sơn Dương, Yên Sơn, thị xã Tuyên Quang triển khai thực hiện dự án.

- Thời tiết và khí hậu trong 2 năm thực hiện dự án diễn biến phức tạp và khắc nghiệt. Vụ xuân 2001, đầu vụ trời âm u, mưa nhiều, mưa kéo dài, có hiện tượng mưa đá; Đặc biệt là vụ Xuân 2002, thời kỳ vườn ươm, khô hạn, rét đậm kéo dài, sương muối xuất hiện, ảnh hưởng rất lớn đến sinh trưởng và phát triển cây con thuốc lá, giai đoạn đầu trồng ngoài ruộng sản xuất thời tiết âm u kéo dài số giờ nắng từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2002 dưới 150 giờ cây sinh trưởng phát triển chậm, thời kỳ thu hoạch mưa tập trung, lượng mưa từ tháng 4 đến tháng 6 đạt từ 100-300mm/tháng, trong đó tháng 2 chỉ đạt 14,2-14,7mm, do mưa nắng thất thường làm cho cây thuốc lá chín nhanh, chín tập trung, một số hộ gia đình sấy không kịp thời nên ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng thuốc lá nguyên liệu.

Bảng 1: Kết quả điều tra một số yếu tố khí hậu vùng dự án

Tháng	Năm 2001			Năm 2002		
	Nhiệt độ TB (°C)	Lượng mưa (mm)	Số giờ nắng (giờ)	Nhiệt độ TB (°C)	Lượng mưa (mm)	Số giờ nắng (giờ)
1	15,2	32,7	83,6	15,8	16,2	101,2
2	17,7	14,2	71,2	13,5	14,7	34
3	20,0	12,8	96,1	18,3	40,5	66,2
4	23,8	188,1	97,1	23,4	62,0	109,7
5	24,1	198,1	83,0	25,4	260,8	132,9
6	27,7	250,0	169,7	26,6	300,0	125,0

- Dự án đã tiến hành xây dựng được mô hình trồng thuốc lá năng suất cao, chất lượng tốt bằng các giống mới như C.176 và K. 326 (02 giống thuốc lá này là giống thuốc lá đã được Hội đồng khoa học Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn công nhận là giống Quốc gia) thay thế các giống thuốc lá cũ đã thoái hóa, năng suất thấp và chất lượng thuốc lá không cao theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Đây là 2 trong số các giống thuốc chủ lực trong sản xuất nguyên liệu thuốc lá trong nước và trên thế giới có khả năng xuất khẩu cao.

Kết quả đạt được trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đưa giống mới năng suất cao vào sản xuất tại địa bàn của dự án được thể hiện rõ qua một số biểu và số liệu sau đây (số liệu trung bình của 2 năm):

Bảng 2: Kết quả sinh trưởng phát triển cây thuốc lá:

	Thời gian trồng đến khi ra nụ (ngày)		Thời gian sinh trưởng (ngày)		Chiều cao cây (cm)		Số lá/cây (lá)		Kích thước lá lớn nhất (cm), dài x rộng	
	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2001	Năm 2002
Đại trà	60	62	110	105	60,5	65,2	22,2	24,5	45x22	47x23
Dự án	65	70	115	120	65,7	75,6	20,3	20,4	50x27	60x28

Qua kết quả sinh trưởng phát triển cây thuốc lá cho thấy tất cả các chỉ số về thời gian trồng đến khi cây ra nụ, thời gian sinh trưởng và phát triển, chiều cao cây, kích thước lá lớn nhất thuộc vùng dự án đều tăng so với đại trà.

Bảng 3: Năng suất và tỷ lệ lá cấp 1 + 2

Tên mẫu	Năng suất tươi (Tấn/ha)	Năng suất khô (Tấn/ha)	Tỷ lệ lá C1 + 2 (%)
1	2	3	4
Huyện Nà Hang - Đại trà - Dự án	8,8 10,4	1,0 1,307	37,61
Huyện Sơn Dương - Đại trà - Dự án	9,4 13,9	1,5 1,566	42,31
Huyện Yên Sơn - Dự án	8,620	1,231	59,05
Thị xã T.Quang - Dự án	11,907	1,873	64,65

Báo cáo tổng kết dự án xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu tại tỉnh Tuyên Quang

1	2	3	4
Trung bình			
- Đại trà		1,2	12,6
- Dự án		1,5	45,7

Nhân xét:

Năng suất thuốc lá thuộc vùng dự án đạt mục tiêu đề ra; Tỷ lệ lá cấp 1+2 mặc dù thấp hơn so với mục tiêu dự án đề ra nhưng vẫn cao hơn so với đại trà.

Bảng 4: Kết quả phân tích hoá học và bình hút cảm quan thuốc lá nguyên liệu

TT	Tên mẫu	Thành phần hoá học (%)					Bình hút cảm quan (điểm)					
		Nicotin	Đạm TS	Protein	Gluxit hoà tan	Clo	Hương thơm	Vị	Độ nặng	Độ cháy	Màu sắc	Tổng điểm
1	Nà Hang	3,30	2,17	8,13	18,0	0,19	9,5	9,4	6,0	7,0	7,0	38,9
2	Sơn Dương	1,65	1,41	5,13	29,0	0,36	9,4	9,3	7,0	6,0	7,0	38,7
3	Yên Sơn	2,12	1,98	6,95	29,8	0,40	9,0	9,0	6,5	5,5	6,5	36,5
4	TX Tuyên Quang	2,05	1,95	7,05	29,5	0,38	9,1	9,0	6,5	6,0	6,5	37,1

Nhận xét:

+ Kết quả phân tích thành phần hoá học : Hàm lượng Nicotin trừ điểm Nà Hang (cao hơn) còn lại đạt yêu cầu, hàm lượng đạm TS và Protein thấp có lợi cho phẩm chất thuốc lá, hàm lượng Gluxit hoà tan đạt trị số trung bình, hàm lượng Clo thấp đạt yêu cầu đề ra. Thành phần hoá học đạt tương đương với vùng Lạng Sơn.

+ Kết quả bình hút cảm quan: Điểm hương thơm đạt mức khá, vị trung bình, độ cháy, màu sắc đạt tốt, tổng điểm bình hút tương đương với vùng Lạng Sơn (Trừ thị xã Tuyên Quang và Yên Sơn).

IV. KẾT QUẢ VỀ ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, THĂM QUAN KỸ THUẬT TRỒNG TRỌT VÀ HÁI SẤY THUỐC LÁ NGUYÊN LIỆU

Dự án đã tiến hành biên soạn giáo trình, tập huấn quy trình kỹ thuật về trồng trọt và hái sấy thuốc lá phục vụ cho công tác xây dựng và thực hiện mô hình dự án kết quả đã tiến hành biên soạn được 04 giáo trình: Giáo trình trồng trọt, chăm sóc, giáo trình phân bón, giáo trình bảo vệ thực vật, giáo trình hái sấy cho cây thuốc lá vàng. Các giáo trình được biên soạn phù hợp với điều kiện sản xuất tại Tuyên Quang và các xã thực hiện dự án, phù hợp với trình độ dân trí của nhân dân địa phương với phương châm: Khoa học, dễ hiểu, dễ làm, đạt hiệu quả; đã in ấn các tài liệu về quy trình trồng trọt, bảo vệ thực vật, bón phân, hái sấy để phát cho các hộ tham gia dự án với tổng số 800 bản, đồng thời dự án đã thuê chuyên gia của Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá giảng dạy, tập huấn cho các cán bộ kỹ thuật của phòng nông nghiệp: Sơn Dương, Nà Hang, Yên Sơn, Thị xã và các cán bộ khuyến nông và bà con nông dân của các xã với tổng số trên 1.800 lượt người tham gia học tập và tập huấn về các nội dung: Kỹ thuật làm vườn ươm, làm bầu, trồng, ngắt ngọn, diệt chồi, chăm sóc, cách bón phân đặc dụng một cách khoa học, bảo vệ thực vật, kỹ thuật thu hái, kỹ thuật sấy thuốc, phân cấp theo tiêu chuẩn xuất khẩu TC - 02 - 99 (17 cấp)... Sau khi lên lớp về lý thuyết tất cả nông dân tham gia dự án được trực tiếp thực hành dưới sự hướng dẫn của chuyên gia kỹ thuật của Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá theo các nội dung trên. Ngoài việc tập huấn tập trung dự án còn tổ chức hướng dẫn riêng cho từng hộ gia đình ở ngoài đồng ruộng để giải thích những vướng mắc trong khi thực hiện, cũng như phát hiện kịp thời sâu bệnh và cách phòng trừ... theo đúng quy trình thâm canh từng bước cụ thể.

- Tập huấn kỹ thuật làm đất, kỹ thuật vườn ươm: Sau khi tập huấn, cán bộ kỹ thuật đã tiến hành hướng dẫn bà con gieo hạt giống thuốc lá theo phương pháp gieo ươm tại vườn ươm. Trong thời gian gieo ươm vụ xuân năm 2002, mặc dù gặp hạn hán và sương muối nhưng do thực hiện đúng các kỹ thuật chăm sóc và phòng tránh nên vườn ươm phát triển tốt, chất lượng cây giống thuốc lá đạt yêu cầu và cung cấp đủ cho số diện tích trồng theo dự án. Phương pháp ươm đã tạo điều kiện cho cây mọc đều, hạn chế được sâu bệnh.

- Sau khi gieo ươm, cây con được cấy vào bầu từ 15-20 ngày trước khi đem ra ruộng trồng sản xuất, đây là một biện pháp kỹ thuật mà từ xưa đến nay người nông dân chưa bao giờ thực hiện, biện pháp trồng bầu cây con thuốc lá là một biện pháp kỹ thuật đảm bảo tỷ lệ cây sống rất cao vì có ưu điểm rất lớn trong việc cung cấp chất dinh dưỡng, có tác dụng giữ ẩm trong tuần đầu tạo điều kiện cho cây thích nghi dần với điều kiện ngoại cảnh, tỷ lệ sống của cây trồng bằng bầu > 90%, không phải trồng dặm và đặc biệt là chống chịu tốt với điều kiện khô hạn, cây

thuốc phát triển khỏe, đồng đều và rút ngắn thời vụ trồng ngoài ruộng sản xuất 20 ngày (do cây con đem trồng không phải qua giai đoạn hồi xanh). Qua vụ đầu thực hiện mô hình, người dân tham gia dự án thấy tác dụng rõ rệt của việc cấy cây con trong bầu so với phương pháp trồng truyền thống nên đã ứng dụng triệt để phương pháp giâm cây con trong bầu thuận lợi cho chăm sóc, thu hoạch và ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiếp theo. Kết quả hiện nay người dân đã áp dụng phương pháp gieo ươm và trồng bầu trên 100% diện tích thuốc lá của Tỉnh.

- Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc ngoài đồng ruộng: Cùng với việc gieo ươm, đưa cây con vào bầu và chăm sóc vườn ươm, bà con nông dân còn được tập huấn kỹ thuật làm đất, lên luống bổ hốc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, đánh nhánh, ngắt ngọn, tưới nước... kết quả đa số số diện tích đã làm theo đúng quy trình kỹ thuật mới như :

+ Tạo kích thước luống và khoảng cách hốc trồng theo quy định, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh trước khi mang đi trồng, trồng hàng đơn với mật độ trồng từ 16.000 - 18.000 cây/ha, khoảng cách cây là 0,5 - 0,55m, hàng cách hàng 1 - 1,2m.

+ Về bảo vệ thực vật, dự án đã khuyến cáo bà con nông dân sử dụng đúng loại thuốc cho từng loại sâu bệnh, chú ý công tác phòng là chính, bên cạnh việc sử dụng thuốc phòng trừ sâu bệnh hại có nguồn gốc hóa học, dự án đã sử dụng một số thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học như NPV để trừ sâu xanh, dùng nấm đối kháng để phòng trừ bệnh vi rút. Việc áp dụng phòng trừ tổng hợp được đặc biệt chú ý như vệ sinh đồng ruộng, luân canh với các cây trồng khác, không trồng cây thuốc lá trên các chân đất trồng cây họ cà...

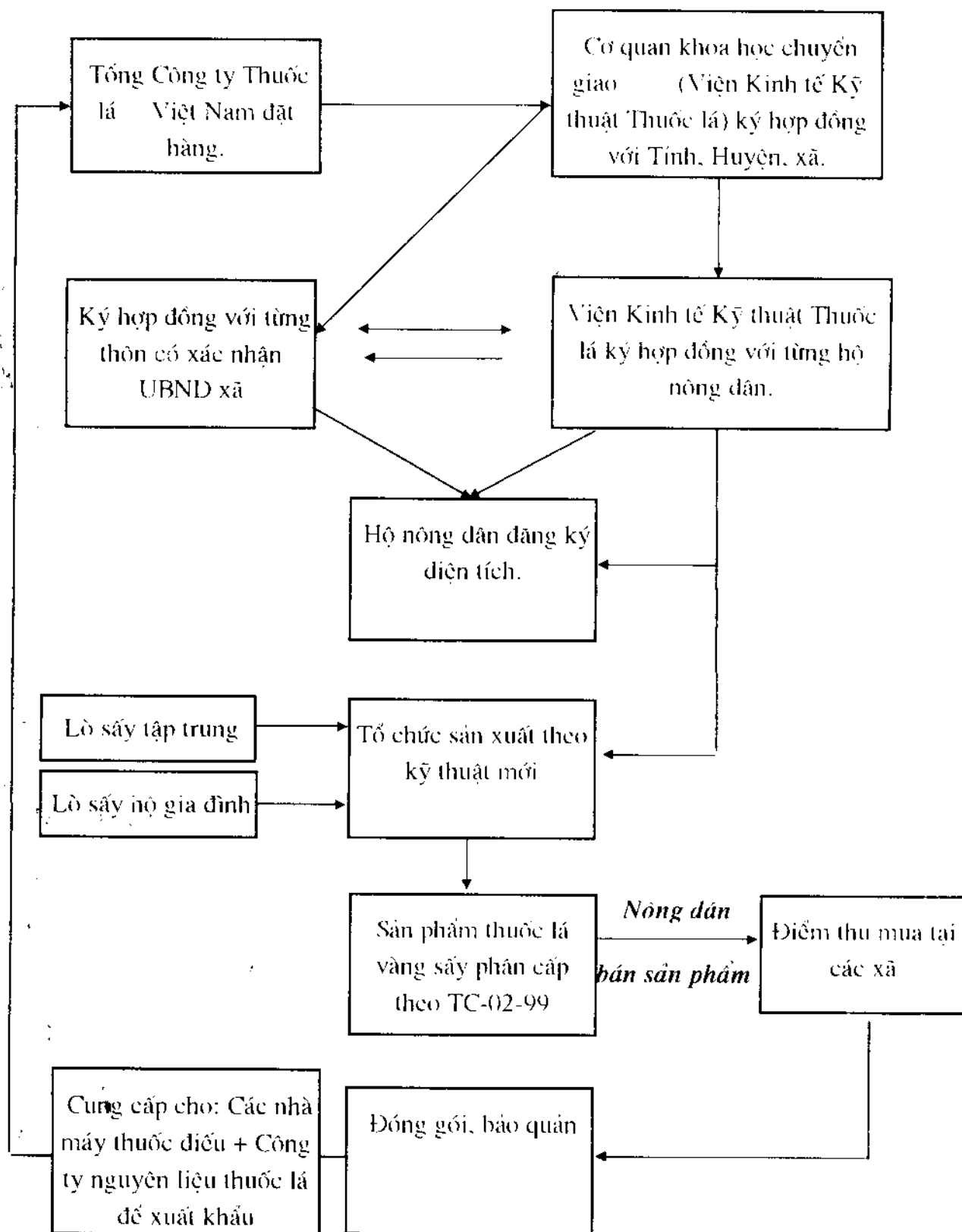
+ Về cách dùng và sử dụng phân bón, dự án đã tổ chức tập huấn và yêu cầu bà con tuyệt đối không được bón các loại phân bón có nguồn gốc Clo sẽ làm hạn chế độ cháy của thuốc lá, ngoài ra nó còn làm hạn chế hương vị thuốc lá, kết quả toàn bộ 100% số hộ tham gia dự án đã sử dụng phân hỗn hợp đặc chủng, định mức sử dụng là 120kg/1.000m² để bón lót, bón thúc theo quy trình kỹ thuật với liều lượng phân bón là: 1.200kg/ha chia làm 2 lần, lần bón thứ nhất là bón lót trước khi trồng 5-7 ngày, với lượng bón 600 kg/ha; bón thúc sau khi trồng 20 - 25 ngày với số lượng phân còn lại là 600kg. Do đặc điểm của loại phân bón hỗn hợp có số lần bón phân ít, quy trình bón không phức tạp lại có ưu điểm làm tăng chất lượng thuốc nên bà con nông dân đã nhanh chóng sử dụng trên tất cả các diện tích gieo cây thuốc lá.

+ Khi thấy khoảng 5% diện tích đã ra hoa, cán bộ kỹ thuật đã tiến hành hướng dẫn nông dân bẻ chồi, chỉ để trên cây từ 18 - 20 lá (đánh nhánh, ngắt ngọn triệt để là một biện pháp kỹ thuật bắt buộc đối với sản

xuất thuốc lá giống mới), khi dùng thuốc diệt chồi sẽ làm tăng năng suất từ 15 - 20 %, đảm bảo cho thuốc lá chín đồng đều tăng cường khả năng chống chịu với sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận, làm tăng độ dày cũng như kích thước lá, sản phẩm sau khi sấy có chất lượng và màu sắc tốt hơn, vụ xuân 2001 và 2002 đa số hộ tham gia dự án đã thực hiện nghiêm túc việc bẻ chồi, không những thế những hộ không được tham gia dự án cũng đã bắt đầu áp dụng phương pháp diệt chồi thuốc lá trong sản xuất vì thấy rõ kết quả của việc bẻ chồi và diệt chồi cho thuốc lá, lá thuốc dài rộng và dày hơn, tăng năng suất hơn không bẻ chồi; việc diệt chồi cũng loại bỏ được một số loại sâu bệnh... Đây là một trong những thành công của dự án trong việc đưa được tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất thuốc lá, xoá bỏ được một tập quán canh tác không theo khoa học vốn đã ăn sâu vào tiềm thức của người nông dân miền núi.

- Về kỹ thuật hái, sấy dự án đã hướng dẫn bà con nông dân chỉ hái những lá có độ chín kỹ thuật, tuyệt đối không được hái lá xanh và quá chín, mỗi lần hái từ 2-3 lá, lá thu về được phân loại trước khi đem sấy: Lá hơi xanh, lá chín đúng độ chín kỹ thuật, lá hơi quá chín để riêng từng loại, khi buộc lá vào sào chỉ buộc 1 loại lá theo độ chín để khi sấy thuốc sẽ quyết định việc ủ và sấy đảm bảo thuốc sấy có chất lượng tốt nhất. Kết quả tập huấn và áp dụng kỹ thuật hái, sấy thuốc lá đã được bà con nông dân áp dụng một cách nghiêm túc và triệt để do vậy chất lượng thuốc lá sau khi sấy đã được cải thiện đáng kể đáp ứng được yêu cầu của xuất khẩu.

Mô hình tổ chức sản xuất thuốc lá vàng sấy chất lượng tốt đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.



VI/ KẾT QUẢ VỀ VIỆC THỰC HIỆN XÂY DỰNG MÔ HÌNH CỤM Lò SẤY TẬP TRUNG, Lò SẤY QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH ÁP DỤNG QUY TRÌNH TIỀN TIẾN TRONG HÁI SẤY THUỐC LÁ GIỐNG MỚI NĂNG SUẤT CAO TẠI TUYÊN QUANG.

Để phục vụ việc sấy thuốc lá cho các hộ gia đình tham gia dự án và làm mô hình mẫu trình diễn quy trình sấy thuốc lá, dự án đã xây dựng mô hình lò sấy thuốc lá tập trung, dự án xây dựng được 4 lò sấy thuốc lá tập trung tại Sơn Dương, Nà Hang, Yên Sơn, thị xã, lò sấy có kích thước: (3 x 7,5 x 5,7)m công suất một mẻ ra lò đạt từ 300-350 kg thuốc lá khô, thời gian mỗi mẻ sấy (tính từ khi vào lò đến khi ra lò) trung bình là 170-180 giờ. Sau đó dự án tiến hành xây dựng tiếp 48 lò sấy quy mô hộ gia đình, trong đó tại Nà Hang 23 lò, tại Sơn Dương 25 lò, các lò quy mô hộ gia đình có kích thước (2x3x3,6)m, mỗi mẻ ra lò từ 50-60 kg thuốc lá khô, sấy bằng than thích hợp với diện tích từng hộ. Đây là mô hình lò sấy khá phổ biến ở miền bắc Việt Nam.

- Công nghệ sấy mới với nguyên tắc sấy gián tiếp, đối lưu tự nhiên, đường ống dẫn nhiệt bằng bê tông, có 3 hệ thống tận dụng nhiệt nên nhiên liệu tiêu tốn ít (khoảng 4.5kg than/1kg thuốc lá khô), tỷ lệ lá C_{1+2} cao hơn so với lò sấy lò kiểu cũ. Chất lượng sấy hơn hẳn lò sấy kiểu cũ, tiết kiệm được nhiên liệu, thuốc lá sau khi sấy có có màu vàng cam. Một điều đáng ghi nhận nữa là việc sấy tập trung, sau mỗi mẻ ra lò là hướng dẫn được ngay cách phân loại thuốc, hướng dẫn cách hái để mẻ sau đạt kết quả tốt hơn.

Bảng 5: Kết quả và tỷ lệ cấp loại thuốc lá khi ra lò

Cấp	Đơn vị tính	tỷ lệ
1+2	%	45,7
3+4	%	43,2
Tận dụng	%	11,1
Tổng cộng	%	100

Bảng 6: Số liệu về chi phí nhiên liệu sấy, công lao động trong quá trình sấy
(Tính cho 1000 kg sản phẩm thuốc lá khô)

Chỉ tiêu	ĐVT	Lò sấy tập trung của dự án		Lò sấy quy mô hộ GD của dự án		Lò sấy kiểu cũ	
		S.lượng	T.tiền (đ)	S.lượng	T.tiền (đ)	S.lượng	T.tiền (đ)
1. Nhiên liệu	kg		904.156		1.112.741		1.352.351
- Than sấy	-	4.000	880.000	4.610	1.014.200	5.000	1.100.000
- Củi sấy	-	73,2	24.156	298,6	98.541	764,7	252.351
2. CôngLĐ	công	88,5	1.327.500	89,2	1.338.000	95,5	1.432.500
- Công sấy	-	63,5	952.500	60,5	907.500	66	990.000
- Công phân loại	-	25	375.000	28,7	430.500	29,5	442.500
Tổng cộng			2.231.656		2.450.741		2.784.851

Nhận xét:

Tiêu hao nhiên liệu của lò sấy dự án loại (3x7,5x5,7)m chỉ chiếm 66,8% và loại (2x3x3,6)m chiếm 82% chi phí so với lò sấy kiểu cũ. Chi phí công lao động khi sấy lò dự án thấp hơn so với lò cũ 7,4%. Nếu xét về hiệu quả kinh tế lò sấy của mô hình đã tiết kiệm được khoảng 500.000đ/1.000kg thuốc lá khô về nhiên liệu và công lao động; qua đó ta thấy tính hơn hẳn của việc áp dụng KH-CN đã làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế.

VI/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ DỰ ÁN

1) Tổng kinh phí dự án được duyệt

- Tổng số :	590.661.000đ
- Nguồn kinh phí:	
Ngân sách trung ương:	450.000.000đ
Ngân sách địa phương:	140.661.000đ

2) Kinh phí đã được cấp : 591.122.400đ

3) Kinh phí đã thực hiện: 556.494.400đ

4) Kinh phí quyết toán:

Tổng số : 556.494.400đ

Trong đó:

- Viện kinh tế kỹ thuật thuốc lá thực hiện : 88.952.000đ
- UBND huyện Nà Hang thực hiện: 172.592.000đ
- UBND huyện Sơn Dương : 166.583.400đ
- Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện: 128.367.000đ

4) Kinh phí không thực hiện chuyển trả ngân sách: 34.628.000đ.

VII/ HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1) Hiệu quả kinh tế

** Hiệu quả người dân tham gia dự án thu được:*

- Qua hai năm thực hiện, dự án đã sản xuất được 50.242 tấn thuốc lá nguyên liệu đủ tiêu chuẩn xuất khẩu với giá bình quân thu mua với người dân là 9.038đ/kg thuốc lá khô, số tiền thu được của người dân đạt con số trên 454 triệu đồng, khẳng định sự thành công của dự án.

- Năng suất trung bình sản xuất thuốc lá thuộc vùng dự án đạt xấp xỉ 1,5 tấn/ha cao hơn năng suất trồng đại trà 1,25 lần; chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, giá bán trung bình đạt 9.038đ/kg.

- Nếu tính giá bình quân mà người dân đã bán được 9.038đ/kg thuốc lá thì mỗi ha thuốc lá trồng và sấy theo phương pháp mới của dự án thu trung bình 13,1 triệu đồng/ha/vụ.

- Qua tính toán thấy rằng: Trồng thuốc lá theo quy trình kỹ thuật của dự án ước tính trừ chi phí sản xuất còn thu được từ 5.000.000 đến 9.000.000đ/ha/vụ. Nếu so với trồng ngô thì 1 ha thuốc lá thu cao hơn từ 3.000.000 đến 5.000.000đ/ha.

** Hiệu quả mà Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam thu được:*

- Đã chuyển giao được các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất thuốc lá tạo tiền đề để phát triển và nhân rộng mô hình vùng trồng thuốc lá nguyên liệu chất lượng cao phục vụ sản xuất trong nước và tham gia xuất khẩu.

- Do áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất thuốc lá từ khâu gieo ươm, bón phân, hái sấy đảm bảo theo một quy trình nghiêm ngặt nên chất lượng thuốc lá giống mới sản xuất ra đạt được các tiêu chuẩn xuất khẩu. Toàn bộ sản phẩm thuốc lá nguyên liệu thu được đã được Tổng công ty thuốc lá Việt Nam xuất khẩu một phần ra thị trường nước ngoài thu lại nguồn ngoại tệ cho Tổng công ty thuốc lá.

2) Hiệu quả xã hội của dự án:

- Hiệu quả xã hội của dự án mang ý nghĩa làm sáng tỏ việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, đặt niềm tin cho quần chúng nhân dân vào tiến bộ khoa học, công nghệ.

- Dự án đã đưa được các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất thuốc lá nguyên liệu, làm thay đổi tư duy của cộng đồng nông dân đồng bào các dân tộc.

- Dự án thực sự đã xây dựng được mô hình áp dụng thành công việc ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào thực tiễn sản xuất thuốc lá nguyên liệu để bà con trong và ngoài tỉnh học tập và làm theo.

VIII/ ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN.

Dự án đã được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm và chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo hỗ trợ các hộ tham gia dự án tạo nguồn động viên đối với các hộ tham gia dự án. Đồng thời được sự giúp đỡ của Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá thuốc lá, Viện đã thực hiện chuyển giao công nghệ, cử cán bộ thường xuyên bám sát cơ sở, hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp cơ sở thực hiện qui trình kỹ thuật tạo nên kết quả dự án.

Trong quá trình thực hiện dự án, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thị có trồng thuốc lá, các ngành như Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp... kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện dự án đảm bảo kết quả, đúng qui định. UBND các huyện, thị có trồng thuốc lá cũng thường xuyên quan tâm theo dõi, chỉ đạo sâu sát quá trình thực hiện trên địa bàn.

Hầu hết các hộ tham gia dự án đều tuân thủ qui định của dự án, ham học hỏi và tích cực tiếp thu khoa học công nghệ mới.

Tổng diện tích trồng thuốc lá thuộc dự án trong 2 vụ xuân năm 2001 và 2002 là 36,0 ha với 500 lượt hộ tham gia tăng so với quy mô diện tích dự kiến 12,5 %.

Tuy năng suất, sản lượng thuốc lá nguyên liệu chưa cao, nhưng cũng đạt mục tiêu dự án đề ra (mục tiêu dự án là năng suất đạt từ 1,5 đến 2 tấn thuốc lá khô/ha/vụ), thu nhập thực tế trồng thuốc lá vẫn cao hơn một số cây trồng khác, dự án đã xây dựng được mô hình áp dụng tiến bộ trong sản xuất, kết quả dự án được áp dụng phục vụ sản xuất, vụ xuân 2002 ngoài diện tích thuốc lá dự án là 18,48 ha, toàn tỉnh đã mở rộng

sản xuất được trên 30 ha.

* Nguyên nhân năng suất, sản lượng thuốc lá nguyên liệu và tỷ lệ cấp loại chưa cao là do:

- Thời tiết và khí hậu trong 2 năm thực hiện dự án diễn biến phức tạp và khắc nghiệt. Vụ xuân 2001, đầu vụ trời âm u, mưa nhiều, mưa kéo dài, có hiện tượng mưa đá, cuối vụ lại xảy ra lũ quét tại điểm Sơn Dương; Vụ Xuân 2002, thời kỳ vườn ươm, khô hạn, rét đậm kéo dài, sương muối xuất hiện, ảnh hưởng rất lớn đến sinh trưởng và phát triển cây con thuốc lá, giai đoạn đầu trồng ngoài ruộng sản xuất thời tiết âm u kéo dài, cây sinh trưởng phát triển chậm, thời kỳ thu hoạch mưa tập trung, do đó làm ảnh hưởng đến năng suất, phẩm cấp thuốc lá.

- Còn có 1 số hộ chưa thật sự tuân thủ đúng qui trình kỹ thuật, còn trông chờ, ỷ lại, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến năng suất thấp.

- Năm 2002, tỉnh triển khai mở rộng diện tích trồng thuốc lá ngoài dự án, việc chỉ đạo tổ chức thực hiện và hướng dẫn kỹ thuật tại các huyện tập trung vào các điểm mới thực hiện trồng, mặt khác việc thu mua lại chuyển sang cho Công ty nguyên liệu thuốc lá Bắc nên cũng ảnh hưởng tới kết quả thực hiện dự án.

PHẦN III

NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Qua 2 năm thực hiện dự án: “Áp dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu có năng suất cao, chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”. Chúng tôi xin rút ra một số bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng và triển khai mô hình như sau:

1. Chọn đúng cơ quan chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với nội dung xây dựng mô hình có đủ lực lượng và có kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn và đặc biệt là luôn luôn có cán bộ bám sát địa bàn, gần gũi với bà con và chính quyền địa phương nơi tiếp nhận tiên bộ khoa học, công nghệ ở dự án là một trong những yếu tố tạo thành công của dự án.

Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá (Tổng công ty thuốc lá Việt Nam) - cơ quan chuyển giao các tiên bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất thuốc lá nguyên liệu là đơn vị nghiên cứu và ứng dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên có đội ngũ cán bộ chuyên môn có

trình độ cao, yêu nghề có nhiều kinh nghiệm, đã nhiều năm chỉ đạo và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hiểu biết phong tục tập quán và nguyện vọng của nhân dân. Lực lượng cán bộ này có nhiều năm tâm huyết bám địa bàn chỉ đạo trực tiếp và hướng dẫn thực hiện dự án từ đầu vụ đến cuối vụ tại các vùng sản xuất thuốc lá nguyên liệu (Viện đã cử 2 tiến sỹ, 1 thạc sỹ, 2 kỹ sư tham gia vào dự án cùng với các cán bộ kỹ thuật của địa phương). Bám được địa bàn, bám được với dân, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất được nhân dân tin yêu và ủng hộ trong quá trình triển khai thực hiện với một địa bàn nông dân vốn chỉ tin khi đã nhìn được thấy thực tế, được đo đếm và thấy rõ chất lượng năng suất và hiệu quả kinh tế sản xuất. Đây là một trong những thuận lợi lớn mà cơ quan chuyển giao công nghệ đã làm được, giúp dự án thành công, đạt được mục tiêu.

2. Địa bàn thực hiện dự án có vai trò rất quan trọng bởi kết quả của mô hình có được nhân rộng ra hay không chính là ở địa bàn thực hiện việc xây dựng mô hình. Dự án áp dụng kỹ thuật tiến bộ xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu có năng suất cao, chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã thành công là do dự án đã lựa chọn được đúng địa bàn để xây dựng mô hình phù hợp với lòng dân, đây là địa bàn có điều kiện tự nhiên phù hợp với sinh trưởng và phát triển của cây thuốc lá, người dân đã có một số kinh nghiệm trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lại khát khao được làm theo kỹ thuật để nâng cao hiệu quả kinh tế, nên khi dự án đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, người dân có khả năng tiếp thu và làm theo tạo được mô hình tốt.

Như vậy trước khi tổ chức xây dựng mô hình ở địa bàn thực hiện dự án nên chọn nơi nào nông dân đã có một số kinh nghiệm trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thì quá trình triển khai dự án và đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được bà con tiếp thu nhanh chóng và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất hơn những nơi khác và nơi đó có nhiều điều kiện thuận lợi để tạo ra mô hình như mong muốn.

3. Mục tiêu, nội dung dự án phải phù hợp với thực tế, với nguyện vọng của nhân dân và có triển vọng phát triển rộng lâu dài. Sự phối kết hợp chỉ đạo của cơ quan trung ương (Cơ quan chuyển giao công nghệ) và các ban ngành địa phương đặc biệt là chính quyền cấp xã trong việc bàn bạc thống nhất nội dung thực hiện có vai trò quan trọng trong việc triển khai và thực hiện nội dung của dự án.

Trong quá trình thực hiện dự án, Sở Khoa học Công nghệ & Môi trường, Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá và các cấp chính quyền địa

phương có sự ủng hộ và phối kết hợp rất chặt chẽ và thống nhất. Từ khi bắt đầu triển khai dự án Ban chủ nhiệm dự án đã làm việc với 4 huyện, thị cùng Ủy ban nhân dân các xã, các trưởng thôn có hộ tham gia dự án để bàn bạc kế hoạch triển khai dự án và phân công trách nhiệm: tiến hành ký kết hợp đồng với Ủy ban nhân dân các huyện, xã để phân rõ trách nhiệm của mỗi bên. Các đồng chí trưởng thôn đã tích cực tuyên truyền, vận động bà con tham gia tập huấn, lấy đầy đủ vật tư, thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, bán sản phẩm cho dự án. Sự tham gia nhiệt tình của các cấp chính quyền địa phương đã góp phần làm nên dự án.

4. Việc bao tiêu sản phẩm nông sản, sản xuất ra có vai trò quan trọng đặc biệt trong việc triển khai thực hiện dự án và nhân rộng mô hình. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ áp dụng vào sản xuất phải có tác dụng rõ rệt trên thực tế nhìn thấy, đo đếm được và thể hiện rõ ưu thế của chúng so với sản xuất bằng giống cũ, phương thức sản xuất cũ.

5. Chọn giống cây thuốc lá nói riêng và các loài khác nói chung phù hợp với địa bàn xây dựng mô hình có điều kiện khí hậu, đất đai thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của nó là điều kiện đầu tiên để dự án thành công. Dự án đã tuyển chọn và đưa vào sản xuất 2 giống thuốc lá C.176 và K.326 có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với địa phương.

6. Đối với các dự án xây dựng mô hình nông lâm nghiệp kinh phí có cấp kịp thời hay không quyết định khá lớn đến hiệu quả của dự án vì sản xuất nông lâm nghiệp theo thời vụ mang tính đặc thù cao.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

1) Kết luận

Sau 2 năm thực hiện dự án "Áp dụng tiến bộ xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu có năng suất cao, chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang", dự án đã thành công và đạt được một số thắng lợi trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, dự án xây dựng mô hình có ý nghĩa về mặt khoa học và thực hiện phù hợp với nguyện vọng của nông dân, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước được bà con nông dân nhiệt tình hưởng ứng, là một mô hình để ứng dụng vào sản xuất.

Dự án đã đưa được giống cây thuốc lá giống mới năng suất cao, chất lượng tốt vào vùng trồng cây thuốc lá Tuyên Quang, đó là các giống thuốc lá C.176 và K.326. Các giống thuốc lá mới đã thể hiện rõ ưu thế của chúng so với các giống cũ về chất lượng về năng suất. Dự án đã góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khai thác tài nguyên đất, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho các hộ nông dân vùng dự án.

Sau khi thực hiện dự án tư duy của người dân về áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã được nâng lên 1 bước, người dân nhận thức rõ hơn, chỉ có áp dụng khoa học kỹ thuật thì hiệu quả kinh tế trong sản xuất thuốc lá nguyên liệu mới được nâng cao, dự án cũng đã xây dựng được quy trình áp dụng khoa học kỹ thuật cho vùng trồng nguyên liệu thuốc lá Tuyên Quang đó là:

- Dùng phương pháp gieo ươm để gieo hạt thuốc lá : Có tác dụng làm cho hạt thuốc lá mọc đều đảm bảo mật độ từ 350-400 cây/m².

- Giảm bầu cây con thuốc lá đảm bảo tỷ lệ sống cao, cây thuốc lá chống chịu tốt với điều kiện khô hạn, khi ra ruộng cây phát triển đồng đều, và rút ngắn thời vụ trồng ngoài ruộng.

- Mật độ trồng từ 16.000-18.000 cây/ha, trồng hàng đơn: Luống cách luống từ 1,1-1,2m, cây cách cây 0,5m làm cho cây quang hợp tốt, lá to dày ít sâu bệnh, đi lại chăm sóc dễ dàng.

- Thường xuyên phun định kỳ thuốc phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt là thuốc phòng trừ sâu bệnh.

- Hái đúng độ chín kỹ thuật, sấy đủ thời gian quy định nhằm tăng tỷ lệ lá cấp 1+2 nâng cao hiệu quả kinh tế.

Dự án đã đầu tư và xây dựng được các lò sấy quy mô tập trung dùng than củi loại (3x 7,5x 5,7)m và loại (2 x 3 x 3,6)m với công nghệ sấy mới vừa tiết kiệm nhiên liệu tăng tỷ lệ lá cấp 1+2, chi phí công lao động giảm.

Ngoài lợi ích kinh tế cho người dân, dự án còn góp phần tạo nên nguồn nguyên liệu có chất lượng cao, phục vụ sản xuất trong nước và tham gia xuất khẩu.

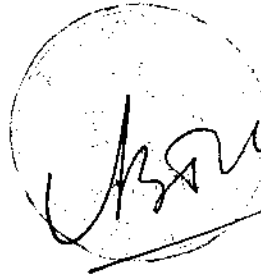
2) Kiến nghị

Kính đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cho phép Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Tuyên Quang được sử dụng kinh phí thu hồi (50.000.000đ) của dự án để hỗ trợ tiếp tục duy trì mô hình của dự án.

Dự án đã kết thúc, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường kính đề nghị Hội đồng khoa học - Công nghệ tỉnh Tuyên Quang, Bộ Khoa học và Công nghệ nghiệm thu và thông qua kết quả dự án./.

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 02 năm 2003

**GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG TUYÊN QUANG**



Bùi Thị Ngọc Vân

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc. Khí hậu Việt Nam - Nhà xuất bản KHKT Hà Nội năm 1998.
2. Lê Đình Thuy, Phạm Kiếm Nghiệp. Thuốc lá trồng và chế biến - Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh năm 1996.
3. Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá. Quy trình trồng thuốc lá tại một số tỉnh phía Bắc Việt Nam năm 1998.
4. Tanov.E & CTV. Quy trình và tập trung hoá sản xuất chế biến thuốc lá ở Bungari, Plodia năm 1978 (Trần Đăng Kiên, Hoàng Tự Lập dịch)
5. Viện Kinh tế - Kỹ thuật thuốc lá. Nghiên cứu chọn tạo giống, kỹ thuật trồng trọt, hái sấy, phòng trừ sâu bệnh cây thuốc có năng suất chất lượng cao phù hợp với từng vùng chuyên canh (Đề tài cấp Nhà nước, mã số KC07-18) năm 1997.
6. Tổng cục thống kê. Số liệu thống kê tình hình cơ bản và cơ sở hạ tầng nông thôn Việt Nam. Nhà xuất bản thống kê Hà Nội năm 1995.

B. Tài liệu tiếng nước ngoài

1. Akehurst.BC.OBE.Tobacco – Longman group Lid 2nd 1981.
2. Cousins.L – Tobacco forum Rhodesia 1968 2- 4p
3. FAO. Guidelinnes for land use planing FAO-ROME
4. Tabacao Reporter 1 - 12/1993 _1/1994.
Wyniger R. Pests of crops in Wam climates and their control. Verlag furrecht and gesllschft Ag.Basel 1962.

